

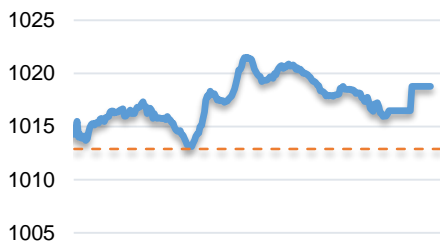
Market Today: Khối ngoại mua ròng đột biến trên sàn HSX

02/10/2018

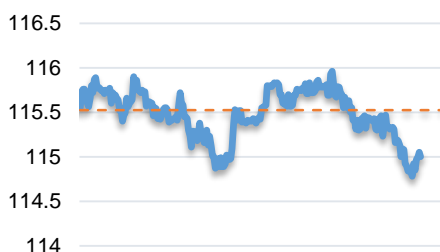
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,018.79	115.00	54.21
% ngày	0.58	(0.45)	0.13
% tuần	0.80	(0.45)	0.41
% tháng	2.96	1.96	4.53
% năm	26.99	6.97	0.08
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,944	802	505
Hôm qua	5,122	738	608
TB 1 tháng	3,961	651	325
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	12,029.33	13.87	951.05
Bán	906.00	29.56	940.12
Giá trị ròng	11,123.33	(15.69)	10.93
Độ rộng TT			
Mã Tăng	116	78	69
Mã Giảm	170	71	62
Không Đổi	67	235	603
Chỉ số chính			
P/E	18.4x	10.7x	7.1x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,241	204	1,023
LS Cổ tức	2.07	2.22	4.34

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Điểm nhấn đặc biệt trong phiên là giao dịch của khối ngoại mua ròng hơn 110 triệu cổ phiếu MSN trên sàn HSX và lượng thỏa thuận hơn 50 triệu cổ phiếu OIL trên sàn Upcom. Chính vấn đề trên đã tác động trực tiếp đến thanh khoản của thị trường đã tăng đột biến trong phiên, tổng giá trị giao dịch trong phiên lên đến hơn 18,000 tỷ đồng.

Chỉ số VN-Index tăng thêm 0.58% lên 1,018.8 điểm; HNX-Index giảm 0.45% xuống 115 điểm và Upcom-Index tăng nhẹ 0.13% lên 54.21 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ bởi việc mã ACB giảm 1.19% và ACB công bố thông tin điều chỉnh room ngoại từ 30% xuống 29.83% để phù hợp với quy định.

Trên sàn HSX thì giao dịch khối ngoại chiếm 70% tổng giao dịch toàn sàn với tổng giá trị mua ròng lên đến hơn 11,000 tỷ đồng, chủ yếu dòng tiền đổ vào MSN, DHG. Sàn Upcom hôm nay cũng có giao dịch mua ròng hơn 34 tỷ đồng của mã POW. Vì có sự điều chỉnh room ngoại nên hôm nay ACB bị rút ròng hơn 20 tỷ đồng và BSR tiếp tục bị bán ròng trong nhiều phiên gần đây.

Ở chiều ngược lại trên sàn HSX và Upcom đều có những mã tăng rất tích cực như nhóm dầu khí GAS, PVS, PXS, PVC vẫn giữ được sắc xanh tăng điểm. Nhóm ngân hàng có BID tăng 4.2%, TCB tăng 1.6%, CTG, VCB cũng tăng điểm. Một số Bluechips như SAB, BHN, VHM, MSN cũng tăng điểm trong phiên hôm nay giúp thị trường giữ được sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn chịu áp lực điều chỉnh trong phiên giao dịch kế tiếp. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn có chiều hướng tăng dần, nhưng chúng tôi đánh giá đây chỉ là nhịp điều chỉnh ngắn hạn, đặc biệt tâm lý nhà đầu tư tiếp tục tỏ ra thận trọng với xu hướng hiện tại cho nên khả năng vượt đường trung bình 200 ngày của các chính được chúng tôi đánh giá thấp. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy thị trường vẫn đang trong chiến lược cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 1,000.11 điểm của chỉ số VN-Index và 113.87 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên mở vị thế mua mới và cơ cấu lại danh mục hoặc xem xét lướt một phần danh mục.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 72% cổ phiếu/28% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.95	GIẢM	GIẢM	17.70	17.07	-3.58%	BÁN		19.57		
ACB	33.30	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	7.56%			36.35		
ACV	86.00	GIẢM	GIẢM		90.42				93.16		
ANV	23.40	TĂNG	TĂNG	18.90	20.42	23.81%		21.45	16.87	9.09%	
ASM	12.50	TĂNG	GIẢM	13.30	12.42	-6.02%			14.14		
BFC	27.30	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	90.20	TĂNG	GIẢM	83.60	83.28	7.89%			101.13		
BID	36.20	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	40.31%		33.40	28.47	8.38%	
BMP	65.90	TĂNG	TĂNG	56.20	60.86	17.26%		63.50	62.30	3.78%	MUA
BSR	20.30	TĂNG	TĂNG	18.10	19.20	12.15%		20.00	19.99	1.50%	MUA
BVH	96.00	TĂNG	TĂNG	95.70	92.25	0.31%		86.00	79.57	11.63%	
BWE	19.50	TĂNG	TĂNG	17.70	18.97	10.17%		20.00	19.20	-2.50%	MUA
CEO	13.50	TĂNG	GIẢM	13.40	13.33	0.75%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.14			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	15.80	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	10.88%		14.39	12.77	9.80%	
CTD	163.50	TĂNG	TĂNG	149.50	162.27	9.36%		161.20	142.39	1.43%	
CTG	27.10	TĂNG	TĂNG	24.00	26.63	12.92%		28.10	22.62	-3.56%	
CTI	25.65	GIẢM	GIẢM		27.21				30.15		
CVT	27.95	TĂNG	GIẢM	27.05	26.91	3.33%			29.20		
DCM	11.30	TĂNG	TĂNG	10.16	10.63	11.20%		11.00	10.69	2.73%	MUA
DGW	26.45	TĂNG	TĂNG	23.90	26.01	10.67%		27.50	22.65	-3.82%	
DHA	28.80	TĂNG	TĂNG	28.20	28.47	2.13%		29.10	28.49	-1.03%	MUA
DHC	41.05	GIẢM	TĂNG		45.69			44.60	37.07	-7.96%	
DHG	97.00	TĂNG	GIẢM	95.30	96.74	1.78%			104.17		
DPG	52.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	27.14%		52.00	42.03	0.00%	
DPM	19.50	TĂNG	TĂNG	18.10	18.82	7.73%		19.40	18.72	0.52%	MUA
DPR	38.30	TĂNG	GIẢM	37.50	37.08	2.13%			38.96		
DQC	29.05	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-1.69%			30.33		
DRC	26.80	TĂNG	TĂNG	25.85	26.53	3.68%		24.30	23.82	10.29%	
DXG	28.10	GIẢM	TĂNG	28.80	28.79	-0.04%	BÁN	29.80	23.61	-5.70%	
ELC	9.08	TĂNG	GIẢM	9.65	9.04	-5.91%			10.45		
FCN	16.40	TĂNG	TĂNG	16.45	16.09	-0.30%		17.70	14.10	-7.34%	
FIT	4.10	GIẢM	GIẢM	4.27	4.10	-3.98%	BÁN		4.98		
FMC	28.30	TĂNG	TĂNG	21.20	25.98	33.49%		24.70	23.18	14.57%	
FPT	45.30	TĂNG	TĂNG	44.55	44.96	1.68%		45.90	40.10	-1.31%	
GAS	121.50	TĂNG	TĂNG	101.50	112.48	19.70%		103.00	92.87	17.96%	
GEX	28.45	GIẢM	TĂNG		29.11			30.10	25.97	-5.48%	
GIL	38.00	GIẢM	TĂNG		40.09			34.90	34.81	8.88%	

We Create Fortune

GMD	26.40	TĂNG	TĂNG	25.40	26.16	3.94%		27.30	22.87	-3.30%	
GTN	12.50	TĂNG	TĂNG	11.25	11.18	11.11%		11.20	9.83	11.61%	
HAG	5.99	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-3.23%	
HAX	18.15	TĂNG	GIẢM	16.40	17.82	10.67%		18.50	18.40	-0.53%	MUA
HBC	24.60	TĂNG	GIẢM	23.80	23.89	3.36%			26.74		
HDB	39.20	TĂNG	GIẢM	38.20	38.04	2.62%			42.32		
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.21			8.20	14.25	107.32%	
HPG	41.30	TĂNG	GIẢM	37.20	41.01	11.02%			42.50		
HSG	12.55	TĂNG	GIẢM	11.35	11.89	10.57%			13.04		
HT1	15.60	TĂNG	TĂNG	11.75	14.30	32.77%		13.00	12.02	20.00%	
HUT	6.10	TĂNG	GIẢM	5.80	5.53	5.17%			6.47		
HVN	39.90	TĂNG	TĂNG	41.30	39.33	-3.39%		39.20	31.92	1.79%	
ITD	12.90	TĂNG	TĂNG	12.90	12.42	0.00%		12.40	11.14	4.03%	
KBC	13.00	TĂNG	GIẢM	12.40	12.32	4.84%			13.24		
KDH	34.10	TĂNG	TĂNG	30.30	32.91	12.54%		33.40	28.27	2.10%	
KSB	34.20	TĂNG	TĂNG	33.00	32.56	3.64%		34.20	33.01	0.00%	MUA
LCG	9.39	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-0.74%		9.39	8.35	0.00%	
LDG	17.60	TĂNG	TĂNG	15.00	16.55	17.33%		16.50	12.14	6.67%	
LIX	49.30	TĂNG	TĂNG	41.20	47.00	19.66%		44.40	43.61	11.04%	
LPB	10.60	TĂNG	GIẢM	9.50	10.01	11.58%			10.88		
LSS	7.20	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-0.28%			7.75		
MSN	94.00	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	3.75%	
MWG	127.00	TĂNG	TĂNG	122.00	123.83	4.10%		121.00	107.68	4.96%	
NKG	15.10	TĂNG	GIẢM	13.70	14.32	10.22%			15.54		
NLG	32.05	TĂNG	TĂNG	31.75	31.26	0.94%		32.40	27.54	-1.08%	
NT2	26.00	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	1.02%			27.15		
NTL	9.75	TĂNG	TĂNG	10.35	9.72	-5.80%		10.45	8.94	-6.70%	
NTP	51.80	TĂNG	TĂNG	51.50	47.16	0.58%		51.50	41.38	0.58%	
PAC	47.00	TĂNG	TĂNG	40.20	42.76	16.92%		44.10	38.28	6.58%	
PC1	27.70	TĂNG	GIẢM	26.15	27.07	5.93%		28.50	28.42	-0.27%	MUA
PDR	27.20	TĂNG	GIẢM	26.50	26.31	2.64%			28.77		
PGC	14.85	TĂNG	GIẢM	14.35	14.36	3.48%			15.41		
PHR	26.80	TĂNG	TĂNG	21.90	25.87	22.37%		24.00	22.85	11.67%	
PLX	71.00	TĂNG	TĂNG	60.50	70.08	17.36%		68.00	61.09	4.41%	
PNJ	104.60	TĂNG	TĂNG	103.50	100.96	1.06%		103.90	86.95	0.67%	
POW	16.60	TĂNG	TĂNG	13.00	15.70	27.69%		14.10	13.30	17.73%	
PPC	19.60	TĂNG	TĂNG	18.50	19.38	5.95%		20.10	19.21	-2.49%	MUA
PTB	62.50	TĂNG	TĂNG	62.40	59.86	0.16%		64.00	53.16	-2.34%	
PVD	21.00	TĂNG	TĂNG	15.75	19.69	33.33%		16.35	13.84	28.44%	
PVI	33.80	TĂNG	TĂNG	29.90	32.17	13.04%		33.00	28.37	2.42%	
PVS	24.00	TĂNG	TĂNG	17.00	22.26	41.18%		20.90	18.30	14.83%	
PXS	6.92	TĂNG	TĂNG	6.17	6.53	12.16%		6.19	5.11	11.79%	
RAL	102.00	TĂNG	TĂNG	91.00	95.77	12.09%		103.60	80.99	-1.54%	



We Create Fortune

REE	36.10	TĂNG	TĂNG	36.70	35.62	-1.63%		36.40	31.68	-0.82%	
SAB	225.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	8.17%			233.02		
SAM	7.70	GIẢM	TĂNG	7.16	7.73	7.92%	BÁN	7.75	7.06	-0.65%	
SBV	25.50	TĂNG	GIẢM	26.20	23.39	-2.67%			26.95		
SCR	9.44	TĂNG	GIẢM	9.47	9.34	-0.32%			10.30		
SHI	6.35	TĂNG	TĂNG	6.27	6.15	1.28%		6.99	5.88	-9.16%	
SJS	18.90	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	23.90	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	0.84%		23.10	21.13	3.46%	
SSI	33.05	TĂNG	GIẢM	29.55	32.34	11.84%			34.19		
STB	13.90	TĂNG	TĂNG	11.20	13.24	24.11%		13.50	12.71	2.96%	MUA
SVC	43.95	TĂNG	GIẢM	44.90	41.02	-2.12%			47.58		
TCB	29.10	TĂNG	GIẢM	26.60	27.87	9.40%			N/A		
TCM	28.65	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	60.96%		21.60	24.40	32.64%	
TDH	11.75	TĂNG	GIẢM	11.75	11.53	0.00%			12.71		
TLH	7.67	TĂNG	GIẢM	7.49	7.46	2.40%			7.98		
TMT	10.95	TĂNG	TĂNG	9.84	8.93	11.28%		9.29	7.09	17.87%	
TNG	17.00	TĂNG	TĂNG	10.80	16.52	57.41%		12.00	12.47	41.67%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.68				11.81		
VCB	63.00	GIẢM	TĂNG		65.41			64.60	55.41	-2.48%	
VFG	35.50	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	3.22%	
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM	17.90	18.47	3.18%	BÁN		21.13		
VHM	104.00	TĂNG	N/A	106.00	101.61	-1.89%					
VIB	29.50	TĂNG	GIẢM	27.90	28.43	5.73%			N/A		
VIC	102.00	TĂNG	TĂNG	102.00	101.26	0.00%	MUA	111.50	92.44	-8.52%	
VIP	6.91	TĂNG	GIẢM	7.12	6.80	-2.95%			7.29		
VJC	145.00	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-7.05%	
VNM	137.00	TĂNG	GIẢM	132.00	133.82	3.79%			139.87		
VPB	26.20	TĂNG	GIẢM	25.80	25.67	1.55%			30.02		
VRC	24.20	TĂNG	TĂNG	17.75	23.62	36.34%		19.35	19.68	25.06%	
VRE	40.50	TĂNG	GIẢM	39.50	39.45	2.53%			43.79		
VSC	41.80	TĂNG	TĂNG	42.90	40.94	-2.56%		35.30	35.98	18.41%	
VSH	17.60	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,018.79	0.58
VN30	987.88	(0.26)
VN Mid	1,065.78	(0.49)
VN Small	858.94	(0.13)

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.00	(0.45)
HN30	214.19	(0.03)
VNX AllSh	1,427.35	(0.11)

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	54.21	0.13

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12,029.33	
Bán	906.00	
GT rỗng	11,123.33	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.87	
Bán	29.56	
GT rỗng	(15.69)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	951.05	
Bán	940.12	
GT rỗng	10.93	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSM	1000	6.76%
QCG	550	6.47%
HVG	440	6.42%
ANV	1400	6.36%
GTN	700	5.93%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	1600	5.52%
MBS	800	4.37%
PVS	700	3.00%
TNG	200	1.19%
DGC	400	0.91%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	3000	3.61%
MPC	1700	3.58%
VGT	200	1.57%
BCM	300	1.36%
POW	100	0.61%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSV	-1,550	-4.22%
VRC	-900	-3.59%
PVD	-700	-3.23%
PPC	-650	-3.21%
NKG	-500	-3.21%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	-500	-3.03%
AMV	-800	-2.55%
TV2	-3,200	-2.23%
CEO	-300	-2.17%
NDN	-300	-1.91%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVN	-1100	-2.68%
GEG	-300	-2.17%
LPB	-100	-0.93%
DVN	-100	-0.56%
CTR	-100	-0.37%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	325,545	
VHM	278,680	
VNM	238,575	
GAS	232,545	
VCB	226,659	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,531	
VCS	15,440	
PVS	10,721	
SHB	10,708	
VCG	8,260	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	187,233	
BSR	62,940	
MCH	54,955	
HVN	49,869	
POW	38,875	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	10.60	5.88
STB	9.28	7.79
DXG	8.55	3.38
CTG	7.75	5.93
PVD	7.30	3.66

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	11.40	6.06
SHB	10.14	8.95
ACB	5.23	4.34
HUT	3.38	2.22
SHS	2.05	1.56

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
OIL	52.07	1.16
BSR	5.32	3.07
POW	4.37	2.32
ART	3.58	-
LPB	1.89	1.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

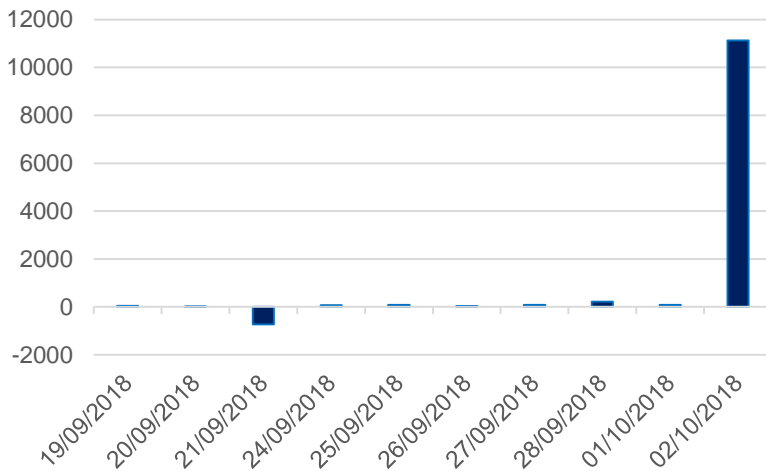
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

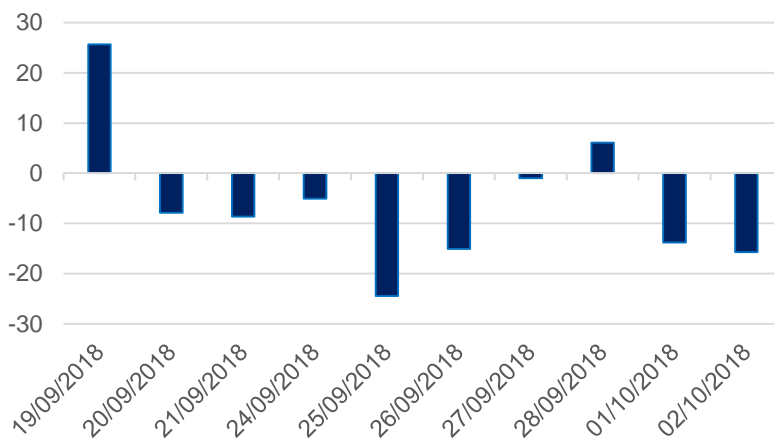
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
MSN	10,881,304	VJC	(105,396)
DHG	297,699	DXG	(29,321)
GEX	36,120	PVD	(20,088)
HPG	34,879	VCB	(19,626)
VIC	23,180	SBT	(10,624)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

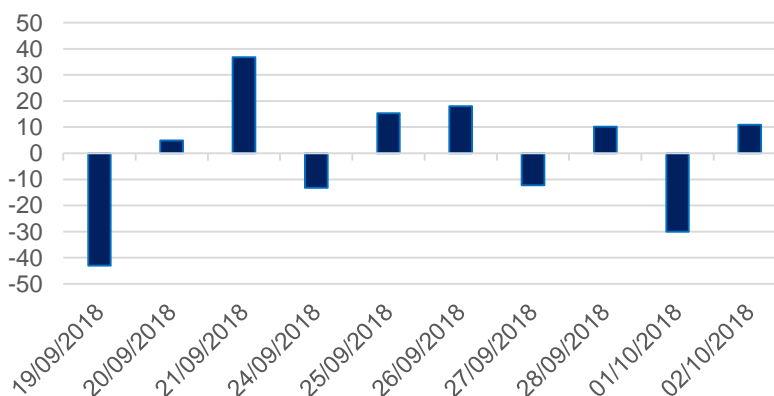
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VCG	5,685	ACB	(23,823)
PVS	1,622	PVB	(1,206)
DBC	851	CEO	(892)
HUT	610	TV2	(617)
SHB	516	VGS	(543)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
POW	34,423	BSR	(20,084)
QNS	1,932	HVN	(4,446)
GEG	1,040	ACV	(1,882)
VEA	977	VGT	(1,147)
BCM	323	LPB	(1,027)

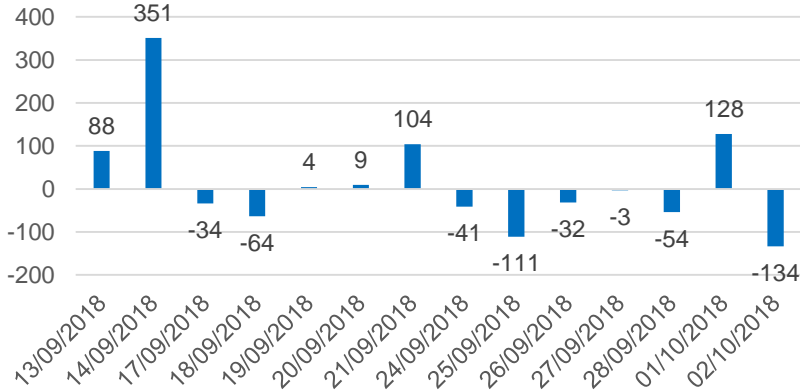
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

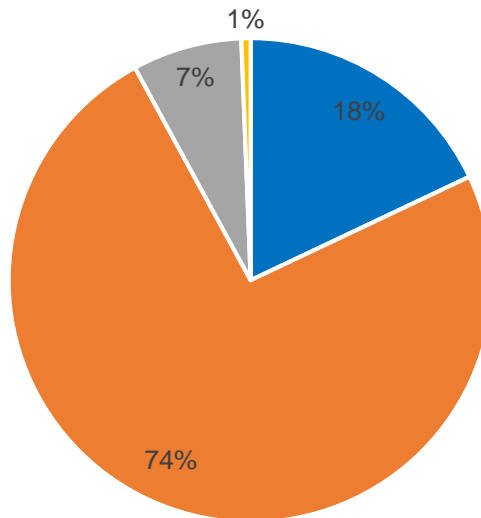


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	EIB	123,989
HPG	22,978	VIC	45,125
MWG	17,099	NVL	33,352
SSI	9,406	E1VFN30	10,640
VIC	8,705	CTG	5,718

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



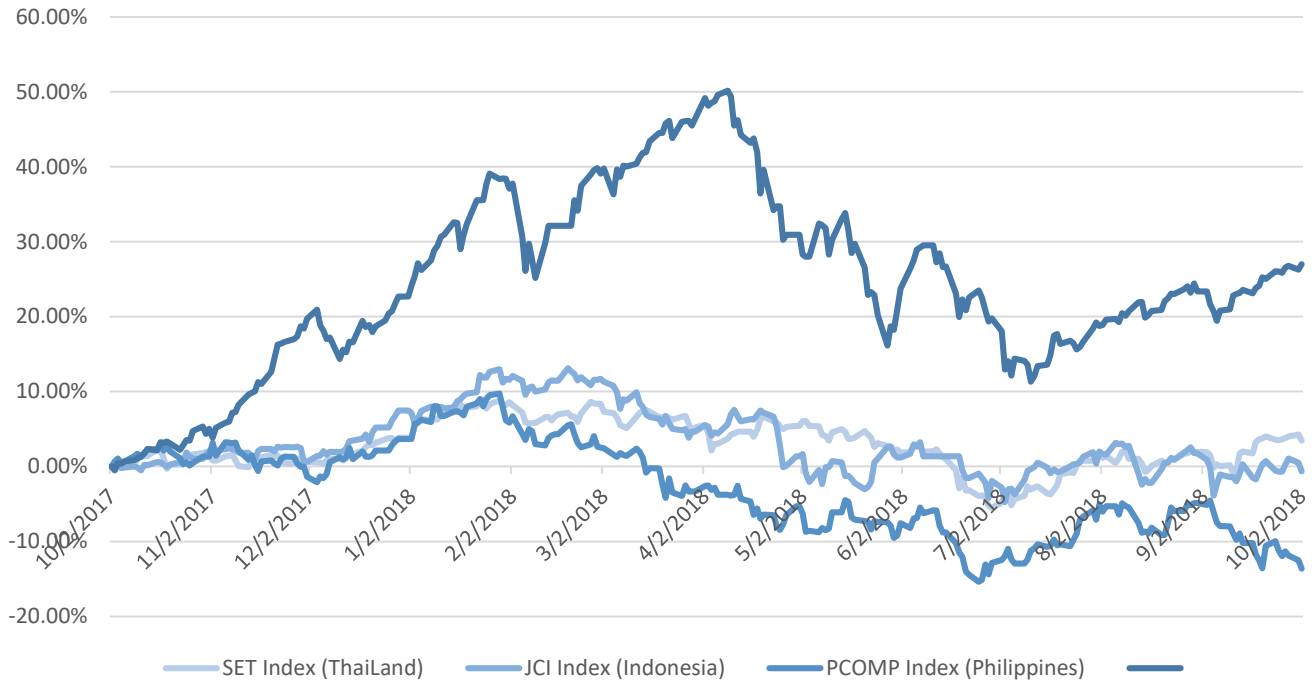
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

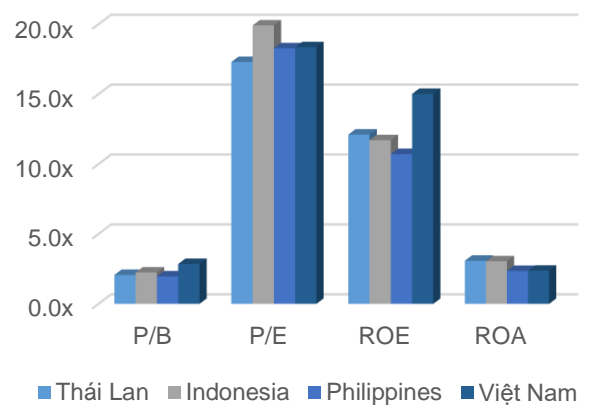
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.2x	2.0x	2.9x
P/E		17.3x	19.9x	18.3x	18.4x
ROE	%	12.11	11.71	10.72	15.02
ROA	%	3.09	3.05	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	548.13	447.14	167.30	138.93
GTGD	Triệu USD	1.48	0.30	0.05	0.21
LS cổ tức	%	2.89	2.31	1.66	2.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written